

Số: /BC-UBND

Vĩnh Hưng, ngày

tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình liên kết sản xuất, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện đến tháng 6 năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ đến cuối năm 2024

Kính gửi:

- Thường trực HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện.

Thực hiện Thông báo số 49/TB-HĐND ngày 20/5/2024 của HĐND huyện Vĩnh Hưng về dự kiến thời gian, địa điểm, nội dung chương trình và công tác chuẩn bị tổ chức kỳ họp thứ 11 (kỳ họp lẻ giữa năm 2024) HĐND huyện khóa XI, nhiệm kỳ 2021-2026, UBND huyện Vĩnh Hưng báo cáo kết quả thực hiện Chương trình liên kết sản xuất, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện đến tháng 6 năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ đến cuối năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 28/7/2020 của Đại hội Đảng bộ huyện Vĩnh Hưng lần XI (nhiệm kỳ 2020-2025); Nghị quyết số 26-NQ/HU ngày 19/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về Chương trình Liên kết sản xuất, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp (thay thế Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 13/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Vĩnh Hưng); Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND huyện thông qua Chương trình Liên kết sản xuất, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 (thay thế Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện), UBND huyện đã cụ thể hóa và ban hành Kế hoạch số 5730/KH-UBND ngày 22/12/2023 triển khai Chương trình Liên kết sản xuất, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2024.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2024

1. Liên kết sản xuất:

Tổng diện tích thực hiện liên kết sản xuất đến ngày 20/5/2024 toàn huyện là 23.865ha, đạt 112,4% so với Nghị quyết (theo Nghị quyết năm 2024 là 21.227ha) và đạt 105,4% theo lộ trình đến năm 2025 (22.640ha).

(Đính kèm bảng phụ lục I)

2. Mô hình ứng dụng công nghệ cao:

Diện tích lúa ứng dụng công nghệ cao đến ngày 20/5/2024 là 1.300 ha, đạt 96,2% so với Kế hoạch năm 2024 (1.350ha); lũy kế diện tích lúa thực hiện ứng dụng công nghệ cao từ năm 2021 đến tháng ngày 20/5/2024 là 6.400ha, đạt 129,2% so với lộ trình kế hoạch đến năm 2024 (4.950ha) và đã đạt 101,1% so Nghị quyết đến 2025 (6.327ha). Trong đó, diện tích thực hiện có sự hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước là 3.300ha, diện tích vận động người dân tự nhân rộng không có hỗ trợ là 3.100ha. Lũy kế diện tích ứng dụng công nghệ cao từ năm 2017 đến tháng 5/2024 là 11.873ha, đạt 100,6% so với chỉ tiêu tỉnh giao và Nghị quyết của HĐND huyện (tỉnh giao đến 2025 huyện có 11.800ha diện tích ứng dụng công nghệ cao), cụ thể:

- Vụ Đông xuân 2023-2024: Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh hỗ trợ thực hiện 01 vùng lúa (400ha) ứng dụng công nghệ cao gắn với tiêu thụ sản phẩm tại HTX Nông nghiệp xã Tuyên Bình Tây, kết quả năng suất bình quân 82 tạ/ha, lợi nhuận 38 triệu đồng/ha (cao hơn 3,8 triệu đồng/ha so ngoài mô hình). Đồng thời, thực hiện 01 mô hình ứng dụng CNC (50 ha) tại HTX công nghệ cao Khánh Hưng, năng suất bình quân 75 tạ/ha, lợi nhuận bình quân đạt 32,6 triệu đồng/ha (cao hơn 3 triệu đồng/ha so với ngoài mô hình).

- Vụ Hè thu năm 2024: Huyện hỗ trợ thực hiện 12 mô hình nhân rộng, với diện tích 600ha (50ha/MH), cụ thể: xã Thái Trị, Tuyên Bình và Tuyên Bình Tây mỗi xã thực hiện 02 mô hình; xã Khánh Hưng, Hưng Điền A, Thái Bình Trung, Vĩnh Trị, Vĩnh Thuận, Vĩnh Bình mỗi xã thực hiện 01 mô hình. Ngoài ra, trong vụ này các xã tiếp tục vận động người dân tự duy trì thực hiện 250ha lúa ứng dụng công nghệ cao, cụ thể: Vĩnh Thuận 50ha, Hưng Điền A 50ha, Khánh Hưng 50ha, Vĩnh Trị 50ha, Vĩnh Bình 50ha. Hiện trà lúa đang đẻ nhánh, làm đồng và sinh trưởng, phát triển tốt.

(Đính kèm bảng phụ lục II)

3. Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất:

Theo Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2024 của UBND tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 11902/QĐ-UBND ngày 15/12/2023) và Kế hoạch số 5730/KH-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện, trong năm 2024, tỉnh đầu tư xây dựng 8 công trình thủy lợi, tổng mức đầu tư 26.000 triệu đồng; huyện đầu tư xây dựng 23 công trình thủy lợi, tổng mức đầu tư 14.610 triệu đồng. Tuy nhiên, do khó khăn về nguồn vốn nên tiến độ thi công các công trình chậm. Cụ thể là đối với công trình tỉnh làm chủ đầu tư: Tỉnh mới khảo sát và thông qua quy mô thiết kế 4/8 công trình. Đối với công trình huyện làm chủ đầu tư: Đã khảo sát, thiết kế và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật 03 công trình, còn lại 20 công trình chưa triển khai, do những công trình này thực hiện theo chủ trương Nhà nước và Nhân dân cùng làm (tỷ lệ 70-30% vốn), nên tiến độ thực hiện còn chậm *(Đính kèm phụ lục III)*.

Riêng đối với 4 công trình điện phục vụ vùng lúa ứng dụng công nghệ cao, tổng kinh phí ước tính 4,4 tỷ đồng, phục vụ tưới tiêu cho 1.030ha lúa 2 vụ, đến nay ngành điện chưa có vốn triển khai thực hiện (*Đính kèm phụ lục IV*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về mặt được:

- Các cấp ủy Đảng, Chính quyền và Đoàn thể tiếp tục thực hiện khá tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo được niềm tin trong nhân dân, đã hình thành các mối liên kết khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ, hình thành chuỗi giá trị lúa gạo.

- Về hiệu quả kinh tế: Nông dân tiết kiệm được chi phí sản xuất từ 1,5-3,5 triệu đồng/ha/vụ, ngoài ra sản phẩm còn bán cao hơn giá thị trường từ 100 - 200 đồng/kg, được hỗ trợ ứng trước giống, phân, thuốc bảo vệ thực vật cho sản xuất 04 tháng không tính lãi.

- Hiệu quả xã hội: Hình thành được các mối liên kết giữa nông dân với nông dân; giữa nông dân với doanh nghiệp; thu nhập tăng lên đáng kể góp phần nâng cao đời sống nông dân; môi trường nông thôn được cải thiện, bảo vệ được sức khỏe cho người sản xuất và người tiêu dùng.

- Thực tế các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao có tính nổi trội và hiệu quả hơn so với ngoài mô hình: Giảm lượng giống gieo sạ, ít tốn kinh phí sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phòng, trừ sâu, bệnh; giảm lượng phân bón đáng kể, chi phí đầu tư thấp hơn ngoài mô hình, nhưng lợi nhuận cao hơn làm cho người dân ngày càng tin tưởng vào chủ trương của tỉnh và huyện.

2. Về tồn tại, hạn chế:

- Công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, ứng dụng công nghệ cao của các ngành chuyên môn và các xã đôi lúc thiếu tính thường xuyên liên tục.

- Việc tổ chức lại sản xuất của người dân còn chậm, vẫn còn tư duy sản xuất truyền thống nhỏ lẻ, manh mún, không muốn ràng buộc vào liên kết sản xuất. Tổ chức đại diện nông dân (tổ hợp tác, hợp tác xã) chưa phát huy đầy đủ vai trò là cầu nối giữa nông dân và doanh nghiệp; năng lực quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc các hợp tác xã nông nghiệp (HTX), tổ trưởng các tổ hợp tác (THT) tham gia Chương trình liên kết sản xuất, ứng dụng công nghệ cao vẫn còn hạn chế.

*** Nguyên nhân của hạn chế :**

- *Về khách quan:* Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, hạn hán kéo dài, đặc biệt dịch bệnh trên cây trồng liên tiếp diễn ra; giá cả vật tư nông nghiệp, xăng dầu tăng cao... làm ảnh hưởng đến sản xuất, tiêu thụ lúa của nông dân trong huyện. Một số chủ trương, chính sách tạo động lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nhưng khó

triển khai áp dụng trong thực tế, thường xuyên bổ sung, thay đổi hướng dẫn thực hiện (Đề án ứng dụng công nghệ cao); thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp không ổn định; chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia Chương trình liên kết sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, hay đầu tư trong khâu sơ chế, chế biến để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- *Về chủ quan*: Sự phối kết hợp giữa các ngành, các cấp đôi lúc thiếu chặt chẽ trong tổ chức triển khai nên chưa tạo động lực thúc đẩy phát triển, một số địa phương vẫn chưa quan tâm đúng mức trong triển khai Chương trình, vẫn còn nhận thức cho rằng việc thực hiện Chương trình là nhiệm vụ của ngành nông nghiệp. Sự phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động của các đoàn thể có lúc, có nơi chưa được quan tâm đúng mức. Công tác triển khai, hướng dẫn của một số ngành, địa phương chậm thực hiện, có nơi lúng túng. Những vướng mắc trong phát triển kinh tế tập thể chưa được giải quyết kịp thời và triệt để. Trình độ của bộ máy quản lý HTX điểm còn hạn chế, người dân còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Việc đầu tư hạ tầng cho phát triển sản xuất nông nghiệp mặc dù đã được các ngành, các cấp chính quyền quan tâm, nhưng nguồn lực còn hạn chế dẫn đến đầu tư có nơi chưa được đồng bộ, nhất là điện 3 pha phục vụ cho các trạm bơm tiến độ đầu tư rất chậm so với yêu cầu.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ ĐẾN CUỐI NĂM 2024

1. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện liên kết sản xuất, thực hiện tốt 12 mô hình nhân rộng ứng dụng công nghệ cao trên cây lúa vụ Hè thu năm 2024. Tập trung rà soát để có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, hỗ trợ củng cố toàn diện hoạt động các Hợp tác xã nông nghiệp. Kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; kêu gọi các nhà đầu tư tham gia để nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất, đẩy mạnh xúc tiến thương mại và thị trường tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là trong vùng lúa ứng dụng công nghệ cao.

2. Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đến từng hộ dân, nhất là các hộ dân trong vùng triển khai thực hiện Chương trình LK SX, ứng dụng CNC Đề án nắm rõ chủ trương, quan điểm của tỉnh, huyện trong việc triển khai thực hiện Chương trình. Đồng thời, chuẩn bị tham gia Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 theo Quyết định số 3176/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh.

3. Tăng cường vận động Nhân dân mạnh dạn giảm lượng giống gieo sạ còn dưới 100kg/ha để giảm chi phí, hạn chế sâu bệnh theo khuyến cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xác định đây là tiêu chí để xem xét hỗ trợ thực hiện mô hình ứng dụng sản xuất lúa công nghệ cao trên địa bàn huyện.

4. Tập trung củng cố tổ chức hoạt động của các hợp tác xã và tổ hợp tác hiện có. Theo dõi, tìm hiểu và có giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc; giới thiệu

các doanh nghiệp có năng lực thực hiện liên kết sản xuất, bao tiêu nông sản và tạo điều kiện cho các tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động có hiệu quả hơn.

5. Tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ như: Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản; khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch của Trung ương, tỉnh... Đồng thời, lồng ghép thực hiện hỗ trợ từ nguồn vốn thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia, các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên để phát triển sản xuất trong vùng thực hiện Đề án.

6. Tiếp tục tranh thủ các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, giao thông, thủy lợi nội đồng, điện 3 pha theo danh mục đã được phê duyệt để từng bước đáp ứng yêu cầu ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất và vận chuyển hàng hóa được thuận lợi.

7. Đẩy mạnh công tác tập huấn nhằm trang bị và nâng cao kiến thức chuyên ngành và cập nhật thông tin về tiến bộ kỹ thuật mới cho đội ngũ cán bộ huyện, xã. Tăng cường chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ các hợp tác xã và nông dân sản xuất theo hướng canh tác tiên tiến, hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình liên kết sản xuất, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện đến tháng 6 năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ cuối năm 2024 của UBND huyện Vĩnh Hưng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Huyện ủy;
- CT, các PCT. UBND/H;
- Các CQ, BN, ĐT/H;
- UBND các xã, thị trấn;
- Chánh, PCVP;
- Lưu: VT, NN, Tr.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Cường